

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÔNG HUNG  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ - ST

Ngày **14/4/2022**

V/v: Tranh chấp hôn nhân  
và gia đình

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Lan Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**1. Ông Vũ Đức Quý**

**2. Ông Hà Huy Khoa**

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Lê Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

***Đại diện VKSND huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa:*** **Bà Lại Thị Giang** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 12/2022/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 01 năm 2022, về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Ngô Bích C, sinh năm 1981

Địa chỉ: Nhà B4 khu nhà ở C, ngõ 332 đường H, phường P, quận B, Hà Nội.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1981

Người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Hữu T là: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962- mẹ đẻ của anh T

Đều có địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện Đ, tỉnh T

**(Tại phiên tòa vắng mặt chị C, anh T, bà L. Chị C có đơn xin xét xử vắng mặt)**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn chị Ngô Bích C trình bày:** Chị và anh Nguyễn Hữu T kết hôn ngày 04/10/2005 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là xã H1), huyện Đ, tỉnh T. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thành phố Nam Định. Vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì anh T bị tai nạn, chị đã tận tình

chăm sóc anh T tại các bệnh viện. Khi sức khỏe anh T dần ổn định, do công việc nên chị đã đưa anh T về xã H, huyện Đ, tỉnh T để cho bố mẹ anh T chăm sóc. Chị và anh T đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung: Nguyễn C T M, sinh ngày 22/02/2007 và Nguyễn Hữu Hưng L, sinh ngày 15/12/2012. Ly hôn, chị xin được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn anh Nguyễn Hữu T và người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Hữu T là bà Nguyễn Thị L khai.**

Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh T kết hôn năm 2005 có đăng ký kết hôn tại UBND xã H (nay là xã H1), huyện Đ, tỉnh T. Sau khi kết hôn, anh T và chị C chung sống tại thành phố Nam Định. Anh T và chị C chung sống hòa thuận đến tháng 10/2016 thì anh T bị tai nạn nặng, hai mắt của anh T không nhìn thấy gì nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Chị C xin ly hôn anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị C và anh T có 02 con chung L: Nguyễn C T M, sinh ngày 22/02/2007 và Nguyễn Hữu Hưng L, sinh ngày 15/12/2012. Hiện anh T không có khả năng lao động nên nhường quyền nuôi cả hai con chung cho chị C và không cấp dưỡng nuôi con cùng chị C.

Về tài sản: Tại biên bản ghi lời khai ngày 14 tháng 01 năm 2022, anh T, bà L đề nghị Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản theo quy định của pháp luật. Ngày 26 tháng 01 năm 2022, Tòa án yêu cầu anh T, bà L cung cấp tài liệu chứng cứ với nội dung: Yêu cầu anh Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L nếu yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung giữa anh Nguyễn Hữu T và chị Ngô Bích C thì phải nộp cho Tòa án đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu này, anh Nguyễn Hữu T và người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Hữu T là bà Nguyễn Thị L phải giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ nêu trên. Nếu không giao nộp hoặc giao nộp không đầy đủ tài liệu, chứng cứ do Tòa án yêu cầu mà không có lý do chính đáng thì Tòa án không giải quyết về quan hệ tài sản giữa anh Nguyễn Hữu T và chị Ngô Bích C trong vụ án này. Hết thời hạn 15 ngày anh T, bà L không có đơn yêu cầu giải quyết tài sản nộp cho Tòa án. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và buổi hòa giải ngày 16 tháng 02 năm 2022 bà L trình bày anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

***Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng phát biểu ý kiến:***

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn - chị Ngô Bích C đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử

ngợi án. Bị đơn - anh Nguyễn Hữu T chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Bích C : Cho chị C được ly hôn anh Nguyễn Hữu T. Về con chung: Xử giao 02 con chung L: Nguyễn C T M, sinh ngày 22/02/2007 và Nguyễn Hữu Hưng L, sinh ngày 15/12/2012 cho chị Ngô Bích C trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, chị C, anh T, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết về tài sản. Chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Hữu T có địa chỉ tại xã H, huyện Đ, tỉnh T, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình giải quyết vụ án L đúng pháp luật. Nguyên đơn chị Ngô Bích C có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Hữu T và người đại diện hợp pháp của anh Nguyễn Hữu T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Bích C và anh Nguyễn Hữu T kết hôn ngày 04/10/2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là xã H1) huyện Đ, tỉnh Thái Bình L hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì anh T bị tai nạn, chị C đã tận tình chăm sóc anh T tại các bệnh viện. Khi sức khỏe anh T dần ổn định, do công việc nên chị C đã đưa anh T về xã H, huyện Đ, tỉnh T để bố mẹ anh T chăm sóc. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị C xin được ly hôn anh T. Anh T và đại diện hợp pháp của anh T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh T thì sau khi kết hôn anh T và chị C sinh sống tại tỉnh Nam Định nên vợ chồng có mâu thuẫn như thế nào địa phương không biết. Chị C xin ly hôn anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét thấy, chị C và anh T không sống cùng nhau đã lâu từ năm 2016, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C xử cho chị C được ly hôn anh T là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị C và anh T có 02 con chung là Nguyễn C T M, sinh ngày 22/02/2007 và Nguyễn Hữu Hưng L, sinh ngày 15/12/2012. Ly hôn, chị C xin được nuôi cả 02 con chung. Anh T và đại diện hợp pháp của anh T nhường quyền nuôi cả hai con chung cho chị C. Xét thấy, cháu Nguyễn C T M

và Nguyễn Hữu Hưng L có nguyện vọng được ở với mẹ, vì vậy cần giao con chung Nguyễn C T M và Nguyễn Hữu Hưng L cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng L phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị cần chấp nhận. Việc thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi một trong các bên có đơn yêu cầu. Anh Nguyễn Hữu T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Chị C, anh T, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết về tài sản.

[3] Về án phí: Chị C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị C, anh T, bà L có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 266; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 58; Điều 69; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Ngô Bích C được ly hôn anh Nguyễn Hữu T.

**2. Về con chung:** Xử giao con chung Nguyễn C T M, sinh ngày 22/02/2007 và Nguyễn Hữu Hưng L, sinh ngày 15/12/2012 cho chị Ngô Bích C trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, việc thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi một trong các bên có đơn yêu cầu. Anh Nguyễn Hữu T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**3. Về tài sản chung:** Tòa án không giải quyết về tài sản.

**4. Về án phí:** Chị Ngô Bích C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị C đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0002965 ngày 14/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng thành tiền án phí.

**5. Về quyền kháng cáo:** Chị Ngô Bích C, anh Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

- Đồng sự, UBND xã H1;
- Lưu.

**Phạm Thị Lan Phương**